

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 213/2024/HC-ST

Ngày 30 – 9 – 2024

V/v Kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Hương

2. Bà H' Mơ Niê

Thư ký phiên toà: Ông Vũ Đức Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Phan Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 163/2024/TLST- HC ngày 14/6/2024 về việc “*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2024/QĐST-HC ngày 09 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 203/2024/QĐST – HC ngày 23 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê Minh V, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 104 tỉnh lộ 8, buôn S, xã C, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/6/2024): Bà Lê Thị Thu A, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn 3, xã C2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Cm, tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: Số 134 H, thị trấn Q, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 10/7/2024): Ông Nguyễn Công V1 – Chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị S, sinh năm 1976; Ông Nguyễn Văn T, Địa chỉ: Thôn 4, thị trấn P, huyện CP, tỉnh Gia Lai; Đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/5/2024, quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền bà Lê Thị Thu A trình bày:

Năm 2000, ông Lê Minh V từ Bình Định lên huyện CM, tỉnh Đắk Lắk lập nghiệp, ban đầu ông V ở nhờ nhà chị gái ở buôn S, xã C. Năm 2001, nghe nói gia

đình ông Y B Mlô có một thửa đất cần bán nên ông V đã liên hệ và được gia đình ông Y B Mlô bán cho một thửa đất có diện tích 1500 m²; địa chỉ tại: Buôn S, xã C, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất của gia đình ông Y B Mlô thì đến năm 2002 Ông V tiến hành xây dựng được một căn nhà cấp 4 có diện tích khoảng 150 m² rồi chuyển về đó sinh sống. Sau khi có nhà ở ổn định ông V có đón hai vợ chồng em gái là bà Lê Thị S lên ở cùng do ở quê không có công ăn việc làm.

Năm 2012, do công việc của ông V phải chuyển về thôn B, xã E, huyện, E sinh sống, nên căn nhà và thửa đất trên có giao lại cho vợ chồng em gái là bà Lê Thị S tạm thời trông nom và quản lý giùm.

Đến năm 2015, vợ chồng em gái là bà Lê Thị S chuyển đến chỗ khác để sinh sống có trả lại nhà đất cho ông V. Đến năm 2016, ông V lại cho chị gái là bà Lê Thị Thanh T ở nhờ căn nhà, còn phần đất nông nghiệp vợ ông V sử dụng vào việc trồng và chăm sóc cây hồ tiêu.

Tháng 5 năm 2024 do có nhu cầu cần làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất trên nhưng do giấy tờ chuyển nhượng năm 2001 với gia đình ông Y B Mlô bị mất trộm vào năm 2005. Nên ông V có nhờ gia đình ông Y B Mlô xác nhận lại việc mua bán đất để liên hệ với cơ quan có thẩm quyền xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất thì ông V mới phát hiện thửa đất nhận chuyển nhượng của gia đình ông Y B Mlô đã được Ủy ban nhân dân huyện CM, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn T. Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Ủy ban nhân dân huyện CM, tỉnh Đắk Lắk đối với thửa đất số 139; tờ bản đồ số 20; diện tích 1540,0 m²; địa chỉ: xã C, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk cho bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn T là trái pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền lợi của ông V.

Vì vậy, nay ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết: Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 756050 do Ủy ban nhân dân huyện CM, tỉnh Đắk Lắk cấp cho bà Lê Thị S, ông Nguyễn Văn T ngày 04/02/2015 tại thửa đất số 139; tờ bản đồ số 20; diện tích 1540,0 m²; địa chỉ: xã C, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình tham giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 23/9/2024 người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện CM, tỉnh Đắk Lắk, ông Nguyễn Công V trình bày:

- Về nguồn gốc sử dụng đất: Theo hồ sơ kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là giấy chứng nhận) của bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn T được UBND xã C xác nhận đối với thửa đất số 139 tờ bản đồ số 20, diện tích 1.540 m² (200 m² đất ở và 1.340 m² đất trồng cây lâu năm) có nguồn gốc như sau: “Ông Y B Mlô tự bao lần năm 1997 đến năm 2000 chuyển nhượng lại cho bà Lê Thị S. Bà Lê Thị S làm nhà ở trên đất năm 2000 và ở ổn định đến nay; Nội dung kê khai cấp giấy chứng nhận đúng hiện trạng sử dụng; Đất không có tranh chấp; Phù hợp quy hoạch sử dụng đất.

- Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận: UBND huyện nhận được Tờ trình

số 98/TTr-UBND ngày 27/11/2014 của UBND xã C về việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn T, cư trú tại Buôn S, xã C, huyện CM.

Sau khi xem xét nội dung Tờ trình và thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận của bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn T (hồ sơ gồm: Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận; phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 5/11/2014; giấy sang nhượng đất viết tay có chữ ký của các bên giữa ông Y B Mlô và bà Lê Thị S ngày 02/5/2000 và có chữ ký xác nhận của Ban tự quản buôn S, xã C; biên bản kiểm tra hiện trạng nhà ở do UBND xã C lập ngày 05/11/2014; Danh sách công khai kết quả kiểm tra, hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận tại xã C, huyện CM do UBND xã C lập số 13/DSTB- UBND, công khai trong thời gian 15 ngày kể từ ngày 05/11/2014 đến ngày 20/11/2014 (trong thời gian công khai UBND xã không nhận được ý kiến phản hồi nào của tổ chức, cá nhân liên quan đến thửa đất đề nghị cấp giấy chứng nhận nêu trên); Danh sách đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận; bộ hồ sơ kê khai thuế theo quy định của ngành thuế; giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước đối với thửa đất nêu trên; giấy chứng nhận kết hôn của bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn T).

Từ những hồ sơ, tài liệu nêu trên, xét đề nghị của UBND xã C tại Tờ trình số 98/TTr-UBND ngày 27/11/2014 và đề nghị của Trường phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 390/TTr-UBND ngày 03/02/2015 về việc công nhận và cấp giấy chứng nhận. Ngày 04/02/2015 UBND huyện CM ban hành Quyết định số 51/QĐ-UBND về việc công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn T, cư trú tại Buôn S, xã C, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 70, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đất đai.

Vì vậy, quan điểm của UBND huyện CM đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở hồ sơ tài liệu và kết quả xác minh (nếu có) giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tuy nhiên người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn T đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người khởi kiện đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án. Riêng đối với người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã không thực hiện đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự tại Điều 55, Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh V về việc đề nghị Tòa

án tuyên: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 756050 do Ủy ban nhân dân huyện CM, tỉnh Đắk Lắk cấp cho bà Lê Thị S, ông Nguyễn Văn T tại thửa đất số 139; tờ bản đồ số 20; diện tích 1540,0 m; địa chỉ: xã C, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk. Trường hợp thu thập được những tài liệu chứng cứ khác để chứng minh quyền sở hữu về thửa đất nêu trên, ông Lê Minh V có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác để xác định quyền sở hữu về đất và nhà ở tài sản trên đất với vợ chồng bà Lê Thị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Minh V khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 756050 do Ủy ban nhân dân huyện CM, tỉnh Đắk Lắk cấp cho bà Lê Thị S, ông Nguyễn Văn T ngày 04/02/2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Ông V cho rằng, tháng 5 năm 2024 ông V làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất nhưng do giấy tờ chuyển nhượng đất năm 2001 với gia đình ông Y B Mlô bị mất trộm vào năm 2005 nên ông V có nhờ gia đình ông Y B Mlô xác nhận lại việc mua bán đất. Sau khi liên hệ với cơ quan có thẩm quyền xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất, khi đó ông V mới phát hiện thửa đất nhận chuyển nhượng của gia đình ông Y B Mlô đã được Ủy ban nhân dân huyện CM, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn T. Đến ngày 24/5/2024 ông V khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện và người đại diện theo uỷ quyền của bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt là phù hợp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 157 Luật Tố tụng hành chính xét xử vắng là đúng quy định.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 756050 do Ủy ban nhân dân huyện CM, tỉnh Đắk Lắk cấp cho bà Lê Thị S, ông Nguyễn Văn T ngày 04/02/2015.

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

[2.1.1] Về thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Căn cứ khoản 2 Điều 105 Luật đất đai năm 2013, Ủy ban nhân dân huyện CM, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị S, ông Nguyễn Văn T là đúng quy định.

[2.1.2] Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án do người bị kiện cung cấp thể hiện: Nguồn gốc thửa đất thửa đất số 139, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.540 m² mà bà S, ông T được UBND huyện CM cấp giấy chứng nhận, có nguồn gốc do ông Y B Mlô tự bao lần năm 1997 đến năm 2000 chuyển nhượng lại cho bà Lê Thị S. Bà Lê Thị S làm nhà ở trên đất năm 2000 và ở ổn định; nội dung kê khai cấp giấy chứng nhận đúng hiện trạng sử dụng; đất không có tranh chấp; phù hợp quy hoạch sử dụng đất.

Căn cứ Tờ trình số 98/TTr-UBND ngày 27/11/2014 của UBND xã C về việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn T và thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận của bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn T cung cấp gồm: Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận; phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 5/11/2014; giấy sang nhượng đất viết tay có chữ ký của các bên giữa ông Y B Mlô và bà Lê Thị S ngày 02/5/2000 và có chữ ký xác nhận của Ban tự quản buôn S, xã C; Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà ở do UBND xã C lập ngày 05/11/2014; Danh sách công khai kết quả kiểm tra, hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận tại xã C, huyện CM do UBND xã C lập số 13/DSTB- UBND, công khai trong thời gian 15 ngày kể từ ngày 05/11/2014 đến ngày 20/11/2014; Danh sách đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận; bộ hồ sơ kê khai thuế theo quy định của ngành thuế; giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước đối với thửa đất nêu trên; giấy chứng nhận kết hôn của bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn T.

Trên cơ sở đề nghị của UBND xã C tại Tờ trình số 98/TTr-UBND ngày 27/11/2014 và đề nghị của Trường phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 390/TTr-UBND ngày 03/02/2015 về việc công nhận và cấp giấy chứng nhận. Ngày 04/02/2015 UBND huyện CM ban hành Quyết định số 51/QĐ-UBND về việc công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 756050 cho bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn T đối với thửa đất số 139, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.540 m² là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 70, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đất đai và Điều 8 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính.

[2.2] Về nội dung: Xét ý kiến của ông Lê Minh V cho rằng, nguồn gốc thửa đất số 139, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.540 m² được UBND huyện CM cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 756050 cho bà Lê Thị S, ông Nguyễn Văn T ngày 04/02/2015 là do vào năm 2001 ông V nhận chuyển nhượng đất từ ông Y B Mlô, sau đó do công việc nên ông có cho gia đình em gái là bà S sử dụng, tuy nhiên sau đó bà S đã tự đi kê khai, đăng ký để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của ông Lê Minh V cung cấp (Bút lục số 05) tại Giấy xác nhận chuyển nhượng đất đề ngày 21/5/2024 thể hiện nội dung: “Vào năm 2001 bà H BL Niê có chuyển nhượng đất cho ông Lê Minh V”. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do người bị kiện cung cấp có trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S, ông T (Bút lục số 43) là giấy sang nhượng đất đề ngày 02/5/2000 thể hiện nội dung: “Vào ngày 02/5/2000 ông Y B Mlô sang nhượng cho bà Lê Thị S diện tích đất 1540 m² ” có chữ ký của người sang nhượng đất là ông Y B Mlô, được Ban tự quản Buôn xác nhận là đúng. Do đó, xét ý kiến trình bày của ông V cho rằng nguồn gốc đất là do ông nhận chuyển nhượng từ ông Y B Mlô vào năm 2001 là không phù hợp. Mặt khác, theo kết quả xác minh ngày 18/9/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh Đắk Lắk thì hiện nay bà S và ông T đang phải thi hành Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2015/DS-ST ngày 28/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Từ những phân tích nhận định trên, xét thấy việc Ủy ban nhân dân huyện CM cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 756050 ngày 04/02/2015 cho bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn T là đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông Lê Minh V.

[4]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Lê Minh V phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Ủy ban nhân dân huyện CM không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206; Điều 348, Điều 358 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 97, Điều 98, Điều 100 khoản 2 Điều 105 Luật đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết về thi hành một số điều của Luật đất đai 2013; Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính

Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh V về việc yêu cầu: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 756050 do Ủy ban nhân dân huyện CM, tỉnh Đắk Lắk cấp cho bà Lê Thị S, ông Nguyễn Văn T ngày 04/02/2015 tại thửa đất số 139; tờ bản đồ số 20; diện tích 1540 m²; địa chỉ: xã C, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Lê Minh V phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm

theo biên lai số AA/2023/0012911 ngày 12/6/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự, người đại diện hợp pháp cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung